

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-PT
Ngày 20-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Hồ Minh Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2023/HS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Bến Tre.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Hồ Minh Đ , sinh năm 1984 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T , xã L , huyện M , tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T L T H , huyện M , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn D và bà Huỳnh Thị B; vợ: Phan Anh T; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H là Luật sư - Văn phòng luật sư V Chi nhánh Mỹ Xuyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Minh Đ được Công ty C (sau đây gọi là Công ty) ký hợp đồng tuyển dụng từ ngày 01/7/2014, bố trí làm việc tại Nhà máy chế biến dừa M (sau đây gọi là Nhà máy) thuộc ấp T L T H , huyện M , tỉnh Bến Tre. Từ tháng 10/2021, Đ được Công ty phân công thực hiện nhiệm vụ thống kê, quản lý số liệu dừa trái trước và sau khi khoan, số liệu nước dừa thu hồi, cơm dừa tươi, quản lý về số lượng nhập xác dừa sau sấy, thống kê số liệu liên quan đến dầu dừa ép, phụ phẩm... và báo cáo Ban

Giám đốc Nhà máy. Đ không được giao trách nhiệm quản lý sản phẩm và không có quyền xuất bán.

Ngày 04/11/2021, Đ được Công ty thông báo vào ngày 05/11/2021 thì đơn vị trúng thầu là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) sẽ đến Nhà máy thu mua bã dừa. Sau đó, Đ liên hệ qua điện thoại với người tên H đại diện Công ty Đ để làm thủ tục xuất bã dừa. Đến khoảng 12 giờ ngày 05/11/2021, H đến Nhà máy gặp Đ và thấy các thùng dầu dừa thô sau khi ép để ở khu vực sản xuất chung với bã dừa nên H nói với Đ nếu đem dầu ra ngoài được thì H sẽ mua với giá 25.000 đồng/kg. Lúc này, Đ biết được người quản lý trực tiếp số dầu dừa là ông Lê Đức H 2- Giám đốc Nhà máy không có mặt tại Nhà máy để kiểm tra và bảo vệ Nhà máy thường không kiểm tra hàng hóa khi xe ra vào cổng nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm dầu dừa bán cho H. Đ liền ra bên ngoài thuê xe ô tô tải biển số X do anh Châu Hoàng N điều khiển đi đến cổng Nhà máy thì gặp bảo vệ là ông Phan Văn N nói vào chở bã dừa cho Công ty Đ nên ông N cho xe chạy vào. Đồng thời, Đ làm giấy đề nghị mang tài sản ra ngoài Công ty trình ông Lê Công M - Phó Giám đốc nhà máy với nội dung xuất bã dừa sau ép và được ông M ký duyệt. Sau khi xe của anh N vào đến khu vực chế xuất, Đ kêu đội bốc vác có sẵn trong Nhà máy mang tổng cộng 170 thùng dầu dừa (mỗi thùng cân nặng 15kg) chuyển lên xe. Xong, anh N điều khiển xe đến trạm cân khối lượng và Đ đem giấy đề nghị ra cổng để bảo vệ kiểm tra nhưng không kiểm tra hàng hóa trên xe, do trạm cân chưa hoàn chỉnh có sai số nên Đ ghi khối lượng là 1.500kg vào pH đề nghị rồi cho xe ra cổng. Lúc này, Đ đem số dầu dừa trộm được về nhà trọ của mình ở thị trấn Mỏ Cày (huyện M, tỉnh Bến Tre) cất giấu và trả tiền xe cho anh N là 1.000.000 đồng. Sau đó, Đ trở lại Nhà máy làm thêm pH đề nghị xuất bã dừa trình ông M ký duyệt với lý do số lượng bã dừa nhiều chưa chở hết để khi xe của Công ty Đ đến thì ông M và ông N không nghi ngờ. Đến ngày 12/11/2021, qua kiểm tra ông Huy phát hiện dầu dừa bị mất nên mời Đ làm việc, Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đem trả lại Công ty 170 thùng dầu dừa đã chiếm đoạt, với tổng khối lượng thực tế là 2.550kg.

Vật chứng, tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án: Không có.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 07/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M xác định: 2.550kg dầu dừa thô sau khi ép cốt và sấy khô (chưa qua công đoạn li tâm) có giá 25.000 đồng/kg, tổng giá trị là: 63.750.000 đồng (Sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý với kết luận định giá.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2023/HS-ST ngày 14-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hồ Minh Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Minh Đ 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 27/03/2023, bị cáo Hồ Minh Đ kháng cáo yêu cầu xem xét cho bị cáo hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” và “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” theo quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Hồ Minh Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Minh Đ 02 năm tù là phù hợp; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Minh Đ 02 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: Do khó khăn túng quẫn nên có hành động nông nổi, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để lo cho gia đình vì gia đình bị cáo gặp khó khăn.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Đồng ý về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo, đồng ý với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Tuy nhiên thấy rằng; bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng cách bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng để chở 170 thùng dầu dừa trả lại cho Công ty; số tài sản trộm cắp đã được trả lại còn nguyên vẹn, không có thiệt hại xảy ra; khi sự việc xảy ra bị cáo không lẩn trốn mà trình báo sự việc; phía Công ty có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt pháp luật nơi cư trú, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự, có nơi làm việc ổn định, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, gia đình bị cáo khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng

mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào khoảng 12 giờ ngày 05/11/2021, tại Nhà máy chế biến M thuộc Công ty C toạ lạc tại ấp T L T H , huyện M , tỉnh Bến Tre, Hồ Minh Đ lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của Ban Giám đốc và bảo vệ nhà máy đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 170 thùng dầu dừa có tổng khối lượng là 2.550kg để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được xác định là: 63.750.000 đồng.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá là 63.750.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Hồ Minh Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Minh Đ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo “*thành khẩn*

khai báo, ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt và bị cáo là lao động chính trong gia đình* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 02 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo và người bào chữa cho rằng sau khi phạm tội bị cáo đã đem trả lại đầy đủ tài sản cho Công ty, tài sản không bị thiệt hại nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và “*phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Công ty có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; người bào chữa còn cho rằng bị cáo sau khi phạm tội không bỏ trốn mà trình báo sự việc với Công ty nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*tự thú*” theo điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo; bị cáo và người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy: sau khi bị cáo đã trộm cắp tài sản của Công ty thì Giám đốc Công ty mới phát hiện và mời bị cáo làm việc, bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và đem trả lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt, tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 63.750.000 đồng so với định lượng tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đã trên 50.000.000 đồng nhưng dưới 200.000.000 đồng, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; vì vậy bị cáo và người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo các điểm h, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên thấy rằng; sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã đem trả lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và tài sản không bị hư hỏng mà còn nguyên vẹn, đây được xem là hành vi khắc phục hậu quả của bị cáo, tại cấp phúc thẩm phía bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; vì vậy bị cáo và người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Do bị

cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm; giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Xét thấy hiện nay tình trạng người lao động trong Công ty có hành vi trộm cắp tài sản của Công ty có chiều hướng gia tăng, thậm chí nguy hiểm hơn là có trường hợp người phạm tội có sự câu kết với nhau, điều đó đã gây hoang mang, bức xúc cho Công ty trong việc quản lý tài sản và sử dụng lao động, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm, mà cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có phần chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; riêng đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hồ Minh Đ ; sửa Bản án sơ thẩm số: 09/2023/HS-ST ngày 14-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hồ Minh Đ 01 (một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Hồ Minh Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- VKSND huyện M (1b);
- Công an huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND T H , huyện M (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông